

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2020/DS-PT

Ngày: 03 - 6 - 2020

V/v tranh chấp “Ranh đất và bồi thường  
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Hoàng Khải.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Trung Hiếu.

Ông Lê Thanh Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ranh đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông U:*

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp H, xã HT huyện T, tỉnh Tiền Giang, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18-4-2017) (có mặt).

2. Bà Nguyễn Minh Hoàng H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 15, khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Giấy ủy quyền được công chứng số 4091 ngày 01/6/2020) (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1937; Địa chỉ: ấp 4, xã TH, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

5. Ông Trần Văn L, sinh năm 1928; Địa chỉ: ấp M, xã MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Văn U, bị đơn Nguyễn Văn Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và người đại diện theo ủy quyền của ông U là ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Ông Nguyễn Văn U có diện tích đất 2.027,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 1488, tờ bản đồ C3, tại ấp H, xã HT, huyện T tỉnh Tiền Giang do ông U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00561 ngày 13-4-2017. Phần đất của ông U giáp ranh với đất của ông Nguyễn Văn Đ ở hướng Đông. Theo ông V là đại diện của ông U trình bày, tại ranh đất ông U có đào 01 rãnh đất khoảng 01 lớp đá có chiều rộng khoảng hơn 01m, chiều dài hết đất để trồng tràm, đào vào năm 1978. Năm 2017, ông Đ đốn của ông U 150 cây tràm và lấn qua ông U phần đất có kích thước khoảng 01m x 50m. Theo kết quả đo đạc của Tòa án xác định phần đất tranh chấp có diện 6,2m<sup>2</sup>. Ông yêu cầu ông Đ trả lại phần đất lấn chiếm là 6,2m<sup>2</sup> và bồi thường giá trị 150 cây tràm là 6.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông có thửa đất số 1341, diện tích là 976,8m<sup>2</sup> tại ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00051 QSDĐ/100/QĐUB ngày 18-02-1998. Phần đất của ông giáp ranh với đất của ông Nguyễn Văn U ở hướng Tây, ranh đất là 01 con mương thoát nước do cha ông là cụ Nguyễn Văn L thuê ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Đoàn Văn Th đào vào năm 1977. Gia đình ông sử dụng đến năm 1995 thì cha ông cho ông phần đất này và ông sử dụng đến nay. Ông làm hàng rào bên đất của ông, không có lấn đất của ông U và không có đốn tràm của ông U. Khi ông làm hàng rào có ông U chứng kiến và nói là ông làm đúng ranh. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông U.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L trình bày:* Bà là

vợ ông Nguyễn Văn Đ thống nhất với lời trình bày của ông Đ.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông là cháu ruột của ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn Đ là chú họ của ông. Ông xác định ông Đ có đồn trầm của ông U khoảng 150 cây và xây hàng rào lấn qua đất của ông U.

- *Người làm chứng là ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông có quan hệ bà con chú bác ruột với ông Đ, bà con chú bác họ với ông U. Theo ông biết ranh đất giữa hai bên là cái mương do cha ông U đào, trên bờ mương ông U có trồng trầm khoảng 02-03 tác trồng 01 cây. Ông Đ có đồn trầm của ông U nhiều lần. Đến năm 2016, ông Đ tiếp tục đồn trầm và xây hàng rào trên đất của ông U, ông Đ đồn khoảng 150 cây trầm, trầm trồng được khoảng 03 năm tuổi.

- *Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:* ông là anh em bà con chú bác ruột với ông Đ, bà con chú bác họ với ông U. Đất của ông U giáp ranh với đất ông Đ. Vào khoảng năm 1977, cha ông Đ là cụ Nguyễn Văn L có thuê ông đào 01 đường thoát nước từ Kênh Nguyễn Văn T đến hết phần đất của ông L có kích thước khoảng 02m x 50m, đường nước nằm hoàn toàn trên đất ông L vào thời điểm đó. Sau khi đào mương thì ông L có trồng trầm hai bên đường nước và có đồn để sử dụng. Thời gian sau này ông U, ông Đ có trồng cây trên ranh đất này hay không thì tôi không rõ. Việc ông U cho rằng ông Đ đồn trầm thì ông không biết. Ông thấy ông Đ làm hàng rào đúng ranh giới, không có lấn đất của ông U.

- *Người làm chứng là ông Nguyễn Văn M trình bày:* ông là chú ruột của ông Đ, là chú họ của ông U. Phần đất của ông U trước đây là của cha ông cho cha ông U, cho từ rất lâu ông không nhớ rõ năm nào. Ranh giới trước đây là đất liền, sau này gia đình ông Đ có đào mương để dẫn nước và làm ranh, mương là của ông Đ, từ mé mương vào đất của ông U là đất của ông U, mương có chiều rộng khoảng 01 mét dài hết đất của ông Đ. Ông Đ không có lấn đất của ông U, còn việc ông U nói ông Đ đồn trầm thì ông không biết.

- *Người làm chứng là ông Trần Văn L trình bày:* ông là chú ruột của ông Đ là chú họ của ông U. Phần đất của ông U và đất của ông Đ trước đây là của cha ông cho cha ông U và cha ông Đ, cho từ rất lâu ông không nhớ rõ năm nào. Trước đây, đất hai bên liền nhau, sau này gia đình ông Đ có đào mương để dẫn nước có kích thước chiều rộng khoảng 01m -1,5m, dài từ Kênh Nguyễn Văn T đến hết đất, mương là của ông Đ, từ mé mương vào đất của ông U là đất của ông U. Hàng rào ông Đ làm thì ông thấy làm dưới mé mương, việc ông U nói ông Đ lấn ranh thì ông không biết, để cơ quan có thẩm quyền xem xét, còn việc ông U nói ông Đ đồn trầm thì ông không biết.

- Bản án sơ thẩm số: 52/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang căn cứ khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai, Điều 357 Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U.

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Văn U giá trị quyền sử dụng diện tích đất 6,2m<sup>2</sup> là 1.240.000 đồng, thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được tiếp tục quản lý và được quyền sử dụng diện tích đất 6,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 1488, tờ bản đồ C3, diện tích 2.027,5m<sup>2</sup> tại ấp H, xã HT, huyện T tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00561 ngày 13-4-2017. Diện tích đất 6,2m<sup>2</sup> nêu trên có tứ cận như sau:

- + Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn Đ có chiều dài 37,60m;
  - + Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn U có chiều dài 37,61m;
  - + Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn M có chiều dài 0,30m;
  - + Bắc giáp đường nam Kênh Nguyễn Văn T (đường đan ) dài 0,03m;
- (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U yêu cầu ông Đ bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.

\* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 25/11/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 52/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang yêu cầu chấp nhận khởi kiện của ông buộc ông Đ trả đất đã lấn chiếm để ông canh tác sử dụng, ông không đồng ý nhận tiền giá trị đất và buộc ông Đ bồi thường cho ông 150 cây tràm mà ông Đ đã đốn của ông thành tiền 6.000.000 đồng.

\* Ngày 27/11/2019, bị đơn Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 52/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhận xét: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử buộc ông Đ trả cho ông U 6,2m<sup>2</sup> trả bằng giá trị 1.240.000 đồng và bác yêu cầu

của ông U đòi ông Đ bồi thường 6.000.000 đồng tiền trà là có cơ sở. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông U và ông Đ, giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Văn U và bị đơn Nguyễn Văn Đ đều có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Việc kháng cáo của các đương sự đều được thực hiện đúng theo các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn U ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Minh Hoàng H làm người đại diện dự phiên tòa đúng quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp ranh đất và bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm là đúng với tính chất của vụ án và thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 11, 14, 164, 166, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 6, 166, 170, 203 của Luật đất đai.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Văn U có phần đất diện tích 2.027,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 1488, tờ bản đồ số HDC3 đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00561 ngày 13/4/2017 tại ấp H, xã HT, huyện T. Còn ông Nguyễn Văn Đ có phần đất 976,8m<sup>2</sup> tại thửa 1341 tại ấp H, xã HT, huyện T nằm giáp ranh với đất ông Nguyễn Văn U ở phía tây. Phía ông U cho rằng ông có đào ranh đất giáp ông Đ chiều ngang khoảng 01m, dài hết đất để trồng trà. Năm 2017, ông Đ đốn của ông 150 cây trà và lấn qua đất ông ngang 01m, dài 50m nên ông U khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại 50m<sup>2</sup> đất lấn chiếm và bồi thường 150 cây trà bằng 6.000.000 đồng. Quá trình giải quyết qua thẩm định đo đạc tại chỗ xác định đất ông Đ dư 6,2m<sup>2</sup> còn đất ông U giảm 09m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên ông U thay đổi yêu cầu đòi lại 6,2m<sup>2</sup> đất do ông Đ quản lý sử dụng.

Phía ông Đ không thừa nhận việc lấn ranh đất và đốn trà của ông U nên không đồng ý trả đất và bồi thường tiền trà cho ông U.

Án sơ thẩm xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông U, buộc ông Đ trả cho ông U 6,2m<sup>2</sup> bằng giá trị là 1.240.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông U đòi ông Đ bồi thường 150 cây trà bằng 6.000.000 đồng. Cả ông U và ông Đ đều kháng cáo, không đồng ý quyết định án sơ thẩm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn U do ông Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Minh Hoàng H làm đại diện nhận thấy: Ông U khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại phần đất lấn chiếm ngang 01m dài 50m bằng 50m<sup>2</sup> và bồi thường

150 cây tràm bằng 6.000.000 đồng. Tòa sơ thẩm tiến hành thẩm định tại chỗ phần đất của ông U và ông Đ vào ngày 26/6/2017 ghi nhận như sau:

[4.1] Đất ông U đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00561 thửa 1488, tờ bản đồ số HDC3 ngày 13/4/2017 tại ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang diện tích  $2.027,5\text{m}^2$ . Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ghi nhận “Ranh giới ổn định, hình thể không thay đổi, diện tích  $2.018,5\text{m}^2$ , giảm  $09\text{m}^2$ . Diện tích tranh chấp với ông Đ  $6,2\text{m}^2$ ” (bút lục 47).

[4.2] Đất ông Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00051.QSĐĐ/100/QĐUB ngày 18/02/1998, thửa 250, tờ bản đồ số HDC3, diện tích  $1.559,5\text{m}^2$ . Đến ngày 18/11/2014, Nhà nước thu hồi diện tích  $582,7\text{m}^2$  còn lại  $976,8\text{m}^2$  đổi thành thửa 1341. Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ghi nhận “Ranh giới ổn định, hình thể không thay đổi, diện tích  $976,8\text{m}^2$ . Diện tích tranh chấp với ông U  $6,2\text{m}^2$ ”. Như vậy, nếu cộng phần diện tích đang tranh chấp với ông U thì đất ông Đ tăng  $6,2\text{m}^2$  so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (bút lục 46).

[4.3] Theo công văn số 276/UBND-TN ngày 14/3/2019 của UBND huyện T cung cấp thông tin cho Tòa án về kích thước và diện tích thửa đất 1488 tờ bản đồ HDC3 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 13/4/2017 cho ông U như sau:

- Theo giấy chứng nhận số CH00561: Cạnh mặt tiền kênh Nguyễn Văn T là  $31,00 + 19,38 = 50,38$ ; Cạnh mặt hậu là  $59,66\text{m}$ .

- Theo đo đạc thực tế ngày 26/6/2017: Cạnh mặt tiền kênh Nguyễn Văn T là  $30,70 + 19,35 = 50,05$ ; Cạnh mặt hậu là  $59,36\text{m}$  chưa bao gồm phần đất diện tích  $6,2\text{m}^2$  tranh chấp (bút lục 60). Như vậy, cạnh đường kênh Nguyễn Văn T đất ông U giảm  $0,33\text{m}$ , cạnh mặt hậu giảm  $0,30\text{m}$  nên diện tích giảm  $09\text{m}^2$  so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

[4.4] Ông U khởi kiện yêu cầu ông Đ trả phần đất lấn chiếm ngang  $01\text{m}$  dài  $50\text{m}$  bằng  $50\text{m}^2$  và bồi thường 150 cây tràm, vì cho rằng ông Đ lợi dụng lúc ông đi làm ăn xa nên vào năm 2014-2015 ông Đ ngang nhiên đồn tràm ông trồng và lấn đất làm hàng rào qua đất ông. Nhưng đất của ông U được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/4/2017 đến khi xảy ra tranh chấp thì Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T đo đạc hiện trạng thửa đất 1488 của ông U và thửa đất 1341 của ông Đ vào ngày 26/6/2017 đã ghi nhận ranh giới ổn định, hình thể không thay đổi. Kết quả đo đạc có ông V đại diện ông U và ông Đ ký xác nhận là đúng. Do đó, việc ông U dựa vào kết quả đo đạc diện tích đất ông giảm  $9\text{m}^2$  còn đất ông Đ tăng  $6,2\text{m}^2$  để thay đổi 01 phần yêu cầu đòi đất lấn chiếm từ  $50\text{m}^2$  xuống còn  $6,2\text{m}^2$  là không có cơ sở.

[4.5] Ông Nguyễn Văn U và người đại diện là ông Nguyễn Văn V trình bày: trước tòa hoàn toàn không có chứng cứ chứng minh ông Đ lấn chiếm đất và đồn của ông U 150 cây tràm mà chỉ có ông H làm chứng (bút lục 114). Lời khai ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T (bút lục 38 và 48) khai, mượn do ông T1 là cha của ông ông U đào, tràm mé mượn bên ông U do ông U trồng. Ông Đ đồn tràm xây hàng rào lấn qua đất ông U. Thế nhưng ông Được đồn bao nhiêu cây

tràm và lấn đất ông U lúc nào bao nhiêu m thì 02 ông không biết. Ngược lại, nhân chứng Trần Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ1 đều khai: Mương tranh chấp do phía ông Đ đào, còn hàng rào do ông Đ xây trên đất ông Đ (bút lục 49, 50, 51).

[5] Xét thấy diện tích đất ông U giảm 09m<sup>2</sup> còn đất ông Đ tăng 6,2m<sup>2</sup> (kể cả diện tích tranh chấp) đều nằm trong tỷ lệ sai số cho phép về toán học. Ông U và ông V hoàn toàn không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông Đ lấn chiếm đất như án sơ thẩm đã xử cũng như không chứng minh được thời gian, số lượng cây tràm ông Đ đồn của ông U.

Qua các nội dung phân tích, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn U hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ nhận thấy: Theo phía ông U trình bày ông Đ lấn chiếm đất ông U làm hàng rào vào năm 2014, 2015 nhưng đất ông U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/4/2017. Còn về ranh giới hình thể hiện trạng đất của ông U và ông Đ ổn định, không thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên xét không có chứng cứ thể hiện ông Đ lấn chiếm của ông U 6,2m<sup>2</sup> như án sơ thẩm đã xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U đòi ông Đ trả 6,2m<sup>2</sup> đất.

[7] Về án phí: Ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối 02 yêu cầu không được chấp nhận và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại các điều luật nêu trên.

Về ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được Hội đồng xét xử phân tích nên không thể ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 270, 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11, 14, 164, 166, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai và Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn U. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn Đ. Sửa một phần án dân

sự sơ thẩm số: 52/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U đòi ông Nguyễn Văn Đ trả phần đất diện tích 6,2m<sup>2</sup> tại ấp H, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U đòi ông Nguyễn Văn Đ bồi thường 150 cây tràm thành tiền 6.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn U phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn U 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 18549 và 18550 ngày 04/4/2017 và biên lai thu số 20088 ngày 25/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 20091 ngày 28/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Hoàng Khải**